

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **253**/STC-QLGCS&TCDN
V/v đăng tải và xin ý kiến vào dự thảo
Quyết định của UBND tỉnh ban
hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ
đối với nhà trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang, ngày **15** tháng 11 năm 2021

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng: HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 2237/SXD-KTBDS ngày 25/10/2021 của Sở Xây dựng về việc đề xuất giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà;

Để việc thực hiện tính lệ phí trước bạ đối với nhà đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của tỉnh, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị (như mục kính gửi):

1. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính **trước ngày 25/11/2021** để hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông: Đăng tải Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Dự thảo Quyết định được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi qua hộp thư điện tử hoặc hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện./ *vlh*

Nơi nhận: *A*

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Website Sở Tài chính;
- Phòng: QLNS, TCHCSN.
- Lưu: VT, QLGCS&TCĐN (Hà).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021



"Dự thảo lần 2"

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của
Chính phủ về lệ phí trước bạ; Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02
năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ; Thông tư số 20/2019/TT-
BTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung
một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ
Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản
cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho
doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày
/ /2021 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành Bảng giá tính
lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ; Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tính và thu lệ phí trước bạ.

Điều 3. Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà xây dựng mới và quy định tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà xây dựng mới

Đơn giá 01/m² (một mét vuông) nhà làm căn cứ tính lệ phí trước bạ được áp dụng tại bảng dưới đây:

STT	Danh mục nhà, công trình xây dựng	Đơn vị tính	Giá tính lệ phí trước bạ (đồng)
I	Nhà cấp IV		
1	Nhà xây 1 tầng kiên cố mái lợp các loại (ngói, fibrô xi măng, tôn); Tường lãn sơn; Điện, nước đầy đủ; Công trình phụ khép kín.	đồng/m ²	3.104.000
2	Nhà xây 1 tầng kiên cố mái đổ BTCT; Tường lãn sơn; Điện, nước đầy đủ; Công trình phụ khép kín.	đồng/m ²	3.691.000

STT	Danh mục nhà, công trình xây dựng	Đơn vị tính	Giá tính lệ phí trước bạ (đồng)
II	Nhà cấp III		
1	Nhà 2 tầng móng xây bằng đá hộc hoặc gạch, tường chịu lực, mái đổ BTCT; Tường lán sơn; Điện, nước đầy đủ; Công trình phụ khép kín.	đồng/m ²	3.678.000
2	Nhà 2 tầng móng trụ, khung BTCT; Tường lán sơn; Điện, nước đầy đủ; Công trình phụ khép kín.	đồng/m ²	4.122.000
3	Nhà 3 - 4 tầng, móng trụ, khung BTCT; Tường lán sơn; Điện, nước đầy đủ; Công trình phụ khép kín; Có chống nóng lợp tôn hoặc ngói	đồng/m ²	3.807.000
5	Nhà 5 - 6 tầng móng cọc, khung BTCT; Tường lán sơn; Điện, nước đầy đủ; Công trình phụ khép kín; Có chống nóng lợp tôn hoặc ngói	đồng/m ²	5.582.000
6	Nhà 7 tầng trở lên, móng cọc, khung BTCT; Tường lán sơn; Điện, nước đầy đủ; Công trình phụ khép kín; Có chống nóng lợp tôn hoặc ngói	đồng/m ²	5.943.000
7	Nhà biệt thự 2 - 3 tầng		
	Móng trụ, khung BTCT, mái BTCT có lợp ngói hạ long (chưa có sân vườn)	đồng/m ²	6.685.000

2. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà để tính lệ phí trước bạ.

Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà tính lệ phí trước bạ được tính theo công thức như sau:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Tỷ lệ phần trăm} & = & \text{Chất lượng} & & \text{Thời} & & \text{Tỷ lệ} \\
 \text{(\%)} \text{ chất lượng} & & \text{nếu mới xây} & & \text{gian đã} & \times & \text{khấu hao} \\
 \text{còn lại của nhà} & \text{(Bằng)} & \text{dựng} & \text{—} & \text{sử} & \text{(Nhân)} & \text{(\%/năm)} \\
 & & \text{(100\%)} & \text{(Trừ)} & \text{dụng} & &
 \end{array}$$

Trong đó:

a) Chất lượng nhà mới xây dựng: Chất lượng 100%.

b) Thời gian đã sử dụng để tính tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà: Tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ; Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây nhà thì lấy theo năm mua nhà, hoặc nhận nhà, hoặc năm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

c) Tỷ lệ khấu hao (%/năm) của từng loại nhà:

STT	Loại nhà	Tỷ lệ khấu hao (%/năm)
1	Nhà biệt thự	1,25
2	Nhà cấp III	4
3	Nhà cấp IV	6,67

d) Phân loại nhà: Về loại, cấp công trình: Thực hiện theo quy định tại Bảng 2, Phụ lục II kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Bãi bỏ Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là nhà trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan tổng hợp các vướng mắc, đề xuất giải pháp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh khi có sự thay đổi về chính sách, hoặc biến động về giá.

2. Trách nhiệm của Cục thuế

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

b) Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm tổng hợp vướng mắc, đề xuất biện pháp giải quyết gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- UBMT tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 5 (Thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Phó VPUBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Phòng Tin học và Công báo;
- Lưu: VT.

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn



DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ GỬI XIN Ý KIẾN

(Kèm theo Công văn số **2553**/STC-QLGCS&TCDN ngày **15** tháng 11 năm 2021 của Sở Tài chính)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Văn phòng Tỉnh ủy	
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Văn phòng UBND tỉnh	
4	Cục Thuế tỉnh	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Sở Giao thông Vận tải	
9	Sở Thông tin và Truyền thông	
10	Sở Tư pháp	
11	Sở Lao động, Thương binh xã hội	
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	
14	Sở Công thương	
15	Sở Y tế	
16	Sở Ngoại vụ	
17	Sở Nội vụ	
18	Sở Xây dựng	
19	Sở Khoa học và Công nghệ	
20	Ủy ban mặt trận Tổ Quốc tỉnh	
21	Ban Dân tộc	
22	Thanh tra tỉnh	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
23	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
24	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
25	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	
26	UBND huyện Chiêm Hóa	
27	UBND huyện Hàm Yên	
28	UBND huyện Yên Sơn	
29	UBND huyện Na Hang	
30	UBND huyện Sơn Dương	
31	UBND huyện Lâm Bình	
32	UBND thành phố Tuyên Quang	